

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2011 đến 31/03/2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I_2011	Quý I_2010
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	84,623,058,250	52,918,889,172
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 - 02)	10		84,623,058,250	52,918,889,172
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	48,858,166,601	34,101,634,671
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		35,764,891,649	18,817,254,501
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	7,454,770,597	4,556,123,821
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	1,280,172,179	2,319,444,632
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23	VI.28	844,548,523	1,853,561,199
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,205,473,692	2,292,102,923
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		36,734,016,375	18,761,830,767
11. Thu nhập khác	31		1,625,831,404	41,640,913
12. Chi phí khác	32		6,725,000	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1,619,106,404	41,640,913
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		38,353,122,779	18,803,471,680
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	3,476,864,890	1,880,347,168
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		34,876,257,889	16,923,124,512
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Hải phòng, ngày 25 tháng 04 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hải Thành



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Hồng